

KINH NGHIỆM THỰC TIỄN

khai thác tốt hơn đất đai vùng gò đồi. Sản xuất lâm nghiệp đã thực sự chuyển đổi từ khai thác rừng tự nhiên sang bảo vệ, xây dựng vốn rừng và bảo tồn tài nguyên rừng. Công tác lâm sinh được chú trọng. Trong 5 năm qua, bằng nhiều nguồn vốn, tỉnh đã trồng mới được 17.271 ha rừng tập trung, 15,6 triệu cây phân tán, chăm sóc 68.450 ha, bảo vệ trên 100 ngàn ha, nâng độ che phủ rừng từ 61,7% năm 2001 lên 62,5% năm 2005. Công tác đánh bắt, nuôi trồng và chế biến thủy sản được chú trọng, tăng cường đầu tư cả về cơ sở hạ tầng và năng lực đánh bắt, đẩy mạnh khai thác hải sản xuất khẩu. Năm 2005, sản lượng khai thác đạt 30.750 tấn; diện tích nuôi trồng đạt 2.978 ha, tăng 950 ha so với năm 2001, sản lượng đạt 4.630 tấn, tăng 18,3%/năm; chế biến thủy sản đạt 1.700 tấn, giá trị xuất khẩu đạt 7 triệu USD.

Sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp đạt mức tăng trưởng khá, các lợi thế về nguồn nguyên liệu trong tỉnh đã được khai thác tốt. Giai đoạn 2001-2005, giá trị sản xuất công nghiệp toàn tỉnh tăng bình quân 18%/năm; trong đó, khu vực kinh tế nhà nước tăng 14,5%, khu vực ngoài nhà nước tăng 20,5%, khu vực kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài tăng 40%. Sản xuất công nghiệp phát triển chủ yếu tập trung vào các ngành nghề như chế biến nông - lâm - thủy sản, sản xuất vật liệu xây dựng, sửa chữa tàu thuyền, thủ công mỹ nghệ... Chương trình phát triển tiểu thủ công nghiệp và ngành nghề nông thôn được hình thành, bước đầu, tỉnh đã xây dựng làng nghề tiểu thủ công nghiệp ở Cảnh Dương, Đức Trạch.

Các ngành dịch vụ ngày càng đáp ứng được nhu cầu đời sống và tăng trưởng kinh tế. Mạng lưới thương mại, dịch vụ được củng cố và mở rộng đến các thị trường nông thôn, miền núi. Trong 5 năm qua, tổng mức bán lẻ xã hội trong toàn tỉnh tăng bình quân hàng năm 17%, tổng kim ngạch xuất nhập khẩu đạt 95 triệu USD, tăng 37,2% so với thời kỳ 1996-2000. Đã có một số mặt hàng xuất khẩu có lợi thế cạnh tranh và có uy tín trên thị trường như cao su mủ khô, gỗ xẻ... Chương trình phát triển du lịch được các cấp, các ngành quan tâm chỉ đạo. Cơ sở hạ

tầng du lịch được chú trọng đầu tư. Đặc biệt từ khi vườn Quốc gia Phong Nha - Kẻ Bàng được công nhận là Di sản thiên nhiên thế giới thì lượng khách đến Quảng Bình ngày càng tăng, trong 5 năm đã đón 1,4 triệu lượt khách du lịch, tăng bình quân hàng năm 37,2%. Các ngành dịch vụ khác như: vận tải, bưu chính - viễn thông, ngân hàng, bảo hiểm, y tế, giáo dục... được khuyến khích phát triển và có bước phát triển khá, ngày càng đáp ứng được nhu cầu của người dân.

Thứ hai, công tác quy hoạch được quan tâm và tập trung chỉ đạo. Đến nay, tỉnh đã xây dựng và có quyết định phê duyệt quy hoạch các khu công nghiệp và các cụm điểm công nghiệp như khu công nghiệp Tây Bắc Đồng Hới, khu công nghiệp cảng biển Hòn La, khu kinh tế cửa khẩu Cha Lo, quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội dọc hành lang đường Hồ Chí Minh, Quốc lộ 12A lên cửa khẩu quốc tế Cha Lo, quy hoạch khu du lịch Bảo Ninh, quy hoạch một số ngành...; triển khai xây dựng quy hoạch Phong Nha - Kẻ Bàng; điều chỉnh quy hoạch thành phố Đồng Hới...

Thứ ba, thu chi ngân sách nhà nước và tập trung cho đầu tư phát triển đạt nhiều tiến bộ. Trong 5 năm qua, tổng thu ngân sách trên địa bàn tăng bình quân hàng năm 21,3%; trong đó, thu nội địa tăng bình quân 18%, mức động viên hàng năm của thu ngân sách trên địa bàn đạt 10,5%/GDP. Chi ngân sách bình quân hàng năm tăng 14,3%. Các khoản chi bảo đảm thực hiện đúng chế độ, chính sách và Luật ngân sách Nhà nước đã quy định. Nguồn vốn đầu tư phát triển trong 5 năm qua tăng khá. Tổng nguồn vốn đầu tư toàn xã hội đạt 11.650 tỉ đồng, gấp 3,25 lần thời kỳ 1996-2000; trong đó, nguồn vốn ngân sách Nhà nước chiếm 36,3%; vốn của dân cư 21,6%; vốn đầu tư nước ngoài 2,6%; vốn tín dụng 37,7%. Tỉnh đã tích cực chỉ đạo đầu tư có trọng điểm phục vụ cho chương trình kinh tế - xã hội của tỉnh. Nhờ đó, nhiều công trình quan trọng đã được đưa vào sử dụng. Cơ sở hạ tầng có bước phát triển khá, mạng lưới giao thông - vận tải được quan tâm đầu tư. Đến năm 2005, đã có 153/159 xã có đường ô tô về đến trung tâm và gần 3.400 km đường liên xã, liên thôn được

cứng hóa; 157/159 xã phường có điện lưới quốc gia. Có 870 km kênh mương đã được kiên cố hóa. Một số công trình cấp nước sinh hoạt đã được đầu tư xây dựng, hơn 55% số hộ ở nông thôn được sử dụng nước sạch; 55% số phòng học được kiên cố hóa, tăng hóa; 145 xã có điện thoại, bình quân đạt 5,6 máy/100 dân. Hầu hết các tuyến đường quan trọng được đầu tư cải tạo, nâng cấp như quốc lộ 1A, 12A, đường Hồ Chí Minh, đường nối liền đảo Hòn La, các tuyến đường ở các khu du lịch trọng điểm.

Thứ tư, quan hệ sản xuất và hoạt động kinh tế đối ngoại có những chuyển biến tích cực. Những năm qua, công tác đổi mới, sắp xếp doanh nghiệp đạt nhiều kết quả. Toàn tỉnh đã cổ phần hoá được 23 doanh nghiệp nhà nước; trong đó, có 20 đơn vị độc lập và 3 đơn vị phụ thuộc; chuyển thành đơn vị sự nghiệp có thu 3 đơn vị; thành lập mới 1 doanh nghiệp (trên cơ sở sáp nhập 6 doanh nghiệp); chuyển giao 6 doanh nghiệp làm thành viên của các tổng công ty; bán 1 doanh nghiệp; đồng thời thành lập 4 ban quản lý rừng phòng hộ. Số doanh nghiệp ngoài quốc doanh được cấp phép đăng ký kinh doanh trong 5 năm qua là 906 doanh nghiệp với số vốn đăng ký 1.387 tỉ đồng, bình quân đạt 1,44 tỉ đồng/1 doanh nghiệp. Kinh tế tập thể, kinh tế hợp tác phát triển, đến năm 2005, toàn tỉnh có 351 hợp tác xã hoạt động trên các ngành nghề, lĩnh vực khác nhau như nông nghiệp, thủy sản, xây dựng, giao thông vận tải, tín dụng, thương mại- dịch vụ... Kinh tế hộ gia đình, kinh tế trang trại không ngừng phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế, xã hội (đến nay toàn tỉnh có 743 trang trại).

Công tác vận động và thu hút nguồn vốn ODA và thu hút đầu tư nước ngoài có nhiều tiến bộ. Trong 5 năm qua, toàn tỉnh đã triển khai 15 dự án với tổng vốn cam kết là 96,8 triệu USD, trong đó có 12 dự án ODA. Ngoài ra, tỉnh đã tăng cường mối quan hệ với các tổ chức quốc tế, các tổ chức phi chính phủ thu hút được gần 4 triệu USD phục vụ cho đầu tư phát triển.

Thứ năm, lĩnh vực văn hoá - xã hội, an ninh - quốc phòng đạt nhiều kết quả. Mạng

lưới trường lớp ở các cấp học, ngành học tiếp tục được mở rộng. Quy mô giáo dục phát triển nhanh ở các bậc học, ngành học. Các trường lớp đào tạo nghề được đẩy mạnh dưới nhiều hình thức, công tác xã hội hoá giáo dục tiếp tục phát triển. Đến hết năm 2005, toàn tỉnh có 95% số xã đã hoàn thành phổ cập trung học cơ sở, tỉ lệ lao động qua đào tạo đạt trên 20% (trong đó đào tạo nghề 11%). Công tác chăm sóc sức khoẻ nhân dân được quan tâm. Chương trình y tế cộng đồng, tiêm chủng mở rộng, công tác dân số - gia đình và trẻ em, khám chữa bệnh cho người nghèo được triển khai tích cực... Hàng năm, tỉnh đã cấp gần 100 ngàn thẻ bảo hiểm y tế cho người nghèo, tỉ lệ tăng dân số tự nhiên giảm từ 14,2% năm 2000 xuống còn 10,1% năm 2005. Phong trào "*Toàn dân đoàn kết xây dựng văn hoá ở khu dân cư*"; chương trình đưa văn hoá về cơ sở, mở rộng diện phủ sóng đến vùng cao, vùng xa tiếp tục phát triển. Đến năm 2005, toàn tỉnh có 24,4% số thôn, làng được công nhận làng văn hoá, 68% số hộ được công nhận gia đình văn hoá, 67,1% xã, phường, thị trấn có nhà văn hóa (tăng 34,2% so với năm 2000); diện phủ sóng truyền hình đạt 91%, sóng phát thanh đạt 95%. Chương trình giải quyết việc làm, xoá đói giảm nghèo được thực hiện tích cực. Trong 5 năm qua, toàn tỉnh đã giải quyết việc làm cho 102 ngàn lao động, bình quân mỗi năm có 20.400 lao động được giải quyết việc làm; tỉ lệ hộ nghèo đến năm 2005 còn 9% (theo chuẩn cũ), bình quân mỗi năm giảm 3,5%. Các công tác xã hội khác như chăm lo các đối tượng chính sách, đối tượng xã hội, đồng bào dân tộc ít người... được quan tâm. Công tác quốc phòng, an ninh, trật tự an toàn xã hội được thường xuyên đẩy mạnh, giữ vững.

Thứ sáu, công tác nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước, cải cách hành chính được chú trọng. Tổ chức bộ máy các sở, ban, ngành, UBND các cấp được kiện toàn, sắp xếp theo hướng tinh gọn đầu mối. UBND các cấp đã chú trọng cải tiến phong cách, lề lối làm việc, tăng cường về cơ sở để tháo gỡ khó khăn, vướng mắc. Từ năm 2001, toàn tỉnh đã thực hiện cơ chế giao dịch "*Một cửa*".

1. Mục tiêu hướng phấn đấu và giải pháp thực hiện phát triển kinh tế - xã hội đến năm 2010.

Nhằm đảm bảo phát triển kinh tế - xã hội bền vững, hiệu quả theo tinh thần Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X của Đảng và Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Quảng Bình lần thứ XIV đề ra, đến năm 2010 tỉnh phấn đấu đạt được các mục tiêu chủ yếu: tăng trưởng kinh tế bình quân hàng năm đạt 11-12%; giá trị sản xuất nông - lâm - ngư nghiệp tăng bình quân 4-4.5%, giá trị sản xuất công nghiệp tăng 20-21%, giá trị sản xuất các ngành dịch vụ tăng 11-12%. Đến năm 2010, cơ cấu kinh tế của tỉnh chuyển dịch theo hướng: nông, lâm, ngư nghiệp 20% - công nghiệp, xây dựng 40% - dịch vụ 40%. Sản lượng lương thực đạt 25,5-26 vạn tấn. Giá trị kim ngạch xuất khẩu tăng 14-15%/năm. Thu ngân sách trên địa bàn tăng bình quân 16-17%/năm; đến năm 2010 đạt trên 1000 tỉ đồng. Số xã có trạm y tế và bác sĩ đạt 100% (trong đó có 70% đạt chuẩn quốc gia), tỉ lệ trẻ em suy dinh dưỡng còn 20 - 22%. Số xã phổ cập trung học cơ sở đạt 100%; số huyện, thành phố phổ cập trung học phổ thông đạt 50-60%. Hàng năm tỉ lệ hộ nghèo giảm từ 3,5-4% (theo chuẩn hiện hành); giải quyết việc làm từ 2,4-2,5 vạn lao động. Giảm tỉ suất sinh hàng năm từ 0,4-0,5‰. Đến năm 2010 tỉ lệ hộ nông thôn được sử dụng nước sạch 70%; số xã được phủ sóng phát thanh và sóng truyền hình đạt 100%.

Trong những năm tới, tỉnh tập trung thực hiện tốt các giải pháp chủ yếu sau để đạt được mục tiêu đã đề ra:

Một là, tiến hành chỉ đạo, điều chỉnh bổ sung quy hoạch tổng thể kinh tế - xã hội của tỉnh, ngành, vùng, huyện, thành phố đến năm 2010 và định hướng đến năm 2020. Tập trung đẩy mạnh xây dựng các quy hoạch đô thị, bảo đảm quy hoạch đô thị đi trước một bước; quy hoạch vùng nguyên liệu gắn với công nghiệp chế biến và quy hoạch chi tiết các điểm dân cư ở các tuyến đường quan trọng nhằm phục vụ kịp thời kinh tế - xã hội. Đẩy nhanh tiến độ xây dựng vườn quốc gia Phong Nha - Kẻ Bàng; bổ sung, điều chỉnh

quy hoạch thành phố Đồng Hới, quy hoạch các thị trấn, thị tứ, các trung tâm xã. Đồng thời điều chỉnh, bổ sung quy hoạch chi tiết hệ thống cơ sở hạ tầng phù hợp với tình hình mới.

Hai là, đẩy mạnh huy động, thu hút và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực. Tranh thủ sự giúp đỡ của Chính phủ, các bộ, ngành trung ương để tăng nguồn vốn hỗ trợ có mục tiêu, các chương trình mục tiêu quốc gia để đầu tư cơ sở hạ tầng phát triển kinh tế - xã hội. Tạo môi trường và điều kiện khuyến khích, động viên các thành phần kinh tế, các doanh nghiệp tham gia thực hiện các chương trình kinh tế - xã hội trọng điểm của tỉnh, đầu tư vào các dự án sản xuất, chế biến, các khu công nghiệp, khu du lịch, cảng biển và đầu tư phát triển thành phố Đồng Hới. Tranh thủ và sử dụng có hiệu quả nguồn vốn ODA, NGO để đầu tư vào các công trình hạ tầng, cơ sở thiết yếu. Thu hút mạnh các nguồn vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài; trong đó, ưu tiên các dự án vốn lớn, có công nghệ hiện đại thu hút nhiều lao động, tiêu thụ nguyên liệu tại chỗ và bao tiêu sản phẩm. Coi trọng huy động nguồn nội lực cho đầu tư phát triển, nhất là nguồn vốn trong dân, doanh nghiệp các thành phần kinh tế để tiếp tục thực hiện chương trình kiên cố hóa kênh mương, bê tông hóa đường giao thông nông thôn, xã hội hóa các hoạt động giáo dục - đào tạo, y tế, xã hội... Tích cực chỉ đạo thu đúng, thu đủ, nuôi dưỡng nguồn thu tăng thu để ưu tiên bố trí một phần vốn phù hợp cho đầu tư phát triển. Thực hiện tốt việc lồng ghép các nguồn vốn, các chương trình, dự án ngay từ khi phân bổ nguồn vốn để nâng cao hiệu quả đầu tư.

Ba là, tập trung chỉ đạo thực hiện tốt các chương trình kinh tế - xã hội trọng điểm của tỉnh như chương trình phát triển thủy sản; trong đó, đẩy mạnh phát triển nuôi tôm công nghiệp, mở rộng đối tượng nuôi, đa dạng các loài thủy sản để tạo nguyên liệu chế biến phục vụ xuất khẩu và tiêu dùng nội địa. Tăng cường đầu tư cơ sở hạ tầng về giống, dịch vụ kỹ thuật cho nuôi trồng. Tăng cường hợp tác liên doanh, liên kết trong lĩnh vực chế biến thủy sản. Mặt khác, tích cực chỉ đạo thực hiện tốt chương trình phát triển

tiểu thủ công nghiệp và ngành nghề nông thôn, khôi phục và phát triển nghề truyền thống, tích cực phát triển thêm các ngành nghề mới. Đặc biệt quan tâm phát triển sản xuất chế biến các mặt hàng nông, lâm, thủy sản, sản xuất hàng lưu niệm phục vụ khách du lịch; chú trọng công tác xúc tiến thị trường, phát triển các mặt hàng có lợi thế, có thị trường tiêu thụ, mặt hàng trọng điểm của tỉnh như hàng thủy sản, cao su, chế biến gỗ... Coi trọng chất lượng hàng hóa và nâng cao sức cạnh tranh. Tăng cường hợp tác trao đổi thương mại với nước Lào, mở rộng buôn bán với Thái Lan, Trung Quốc và các nước trong khu vực. Tăng cường cải tiến và nâng cao chất lượng du lịch, tiếp tục đầu tư và khai thác các khu du lịch trọng điểm như Phong Nha - Kẻ Bàng, Vũng Chùa - Đảo Yến, Bảo Ninh, Bang, Đá Nhảy, Núi Thần Đinh... Thu hút đầu tư để xây dựng các khu vui chơi, giải trí, nghỉ dưỡng, du lịch sinh thái, đa dạng hóa sản phẩm du lịch. Triển khai toàn diện chương trình phát triển văn hóa - xã hội và thực hiện có hiệu quả Đề án xã hội hóa các hoạt động giáo dục - đào tạo, y tế, văn hóa và thể dục - thể thao. Tập trung triển khai và thực hiện có hiệu quả các nghị quyết của Tỉnh ủy Quảng Bình về phát triển nguồn nhân lực, xóa đói, giảm nghèo. Chỉ đạo lồng ghép tốt các chương trình, dự án trên từng địa bàn để nâng cao hiệu quả đầu tư và đạt kết quả cao các mục tiêu đề ra.

Bốn là, tiếp tục cải thiện môi trường đầu tư, sản xuất - kinh doanh. Trong đó, tập trung triển khai thực hiện tốt *Luật Doanh nghiệp, Luật đầu tư* và các văn bản hướng dẫn để tạo môi trường đầu tư và kinh doanh ổn định. Đơn giản hóa các thủ tục đăng ký kinh doanh để tạo điều kiện cho các doanh nghiệp mở rộng và phát triển. Tích cực đẩy mạnh việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ở đô thị, đất nông - lâm nghiệp, đất ở nông thôn, tạo điều kiện cho các thành phần kinh tế yên tâm đầu tư vào sản xuất - kinh doanh, vay vốn sản xuất. Đẩy mạnh quá trình sắp xếp và đổi mới, nâng cao hiệu quả và năng lực cạnh tranh của các doanh nghiệp nhà nước. Quan tâm hơn đến kinh tế hợp tác xã, tạo môi trường đầu tư, kinh doanh thông thoáng để thu hút các các

thành phần kinh tế tập thể và các nhà đầu tư trong và ngoài nước đầu tư các dự án phù hợp với chính sách khuyến khích, ưu đãi đầu tư của tỉnh.

Năm là, đẩy mạnh công tác nghiên cứu, ứng dụng các thành tựu khoa học - công nghệ vào sản xuất - kinh doanh và dịch vụ phục vụ phát triển kinh tế - xã hội theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Chú trọng các lĩnh vực sinh học nhằm nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh các mặt hàng nông sản của tỉnh trên thị trường trong và ngoài nước. Kết hợp các hình thức đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn cho cán bộ cơ sở để triển khai tốt việc ứng dụng các tiến bộ kỹ thuật đến với người dân.

Sáu là, tăng cường củng cố quốc phòng - an ninh, bảo vệ chủ quyền, an ninh hai tuyến biên giới. Giữ vững an ninh, chính trị, trật tự an toàn xã hội; nhất là các khu vực trọng điểm, vùng biên giới, biển đảo và mở rộng quan hệ đối ngoại.

Bảy là, tiếp tục đẩy mạnh chương trình cải cách hành chính. Rà soát, xác định lại chức năng, nhiệm vụ và cơ cấu tổ chức của các cơ quan hành chính nhà nước từ tỉnh đến cơ sở. Thực hiện tốt mô hình "*Một cửa*" tại các cơ quan sở, ngành, huyện, thành phố. Đẩy mạnh việc thực hiện *Luật Phòng, chống tham nhũng* và *Luật Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí*. Tăng cường công tác thanh tra, giải quyết có hiệu quả các khiếu nại, tố cáo của công dân. Nâng cao tinh thần trách nhiệm của các cấp chính quyền, các ngành, các tổ chức. Tập trung xây dựng đội ngũ cán bộ các ngành, các cấp đáp ứng với yêu cầu mới. Tổ chức thực hiện tốt chính sách thu hút cán bộ, các nhà khoa học giỏi, sinh viên giỏi mới ra trường về công tác tại tỉnh, cán bộ giỏi ở đồng bằng tình nguyện phục vụ lâu dài ở miền núi, vùng sâu, vùng xa. Tiếp tục thực hiện tốt Quy chế dân chủ ở cơ sở, đẩy mạnh phong trào thi đua yêu nước, tạo điều kiện để nhân dân phát huy quyền làm chủ trong việc tham gia các hoạt động kinh tế và xây dựng chính quyền, phấn đấu xây dựng Quảng Bình thành tỉnh giàu mạnh □